

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: 583/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

**VỀ VIỆC GIAO DỰ TOÁN THU, CHI BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP,  
BẢO HIỂM Y TẾ VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP,  
BẢO HIỂM Y TẾ NĂM 2022**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 09/2021/UBTVQH15 ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp giai đoạn 2022-2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 32/2021/QH15 ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022;*

*Căn cứ Nghị quyết số 40/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ;*

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại Tờ trình số 71/TTr-BTC ngày 04 tháng 4 năm 2022,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao dự toán thu, chi về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế năm 2022 như sau:

1. Mức chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế năm 2022:

a) Mức chi phí quản lý bảo hiểm xã hội năm 2022 bằng 1,57% dự toán thu, chi bảo hiểm xã hội (trừ số chi đóng bảo hiểm y tế cho người hưởng bảo hiểm xã hội) được trích từ tiền sinh lời của hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội;

b) Mức chi phí quản lý bảo hiểm thất nghiệp năm 2022 bằng 1,57% dự toán thu, chi bảo hiểm thất nghiệp (trừ số chi đóng bảo hiểm y tế cho người hưởng bảo hiểm thất nghiệp) được trích từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp;

c) Mức chi phí quản lý bảo hiểm y tế năm 2022 bằng 3,5% tiền đóng bảo hiểm y tế, được trích từ quỹ bảo hiểm y tế.

2. Chỉ tiêu dự toán thu, chi năm 2022:

(Đơn vị: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
<b>I</b>	<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>464.658.755</b>
1	Thu tiền đóng theo chế độ quy định	423.813.319
	- Thu bảo hiểm xã hội	288.204.978
	- Thu bảo hiểm thất nghiệp	19.868.537
	- Thu bảo hiểm y tế	115.739.804
2	Tiền sinh lời của hoạt động đầu tư tài chính	40.845.436
<b>II</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>376.976.636</b>
1	Chi chế độ bảo hiểm xã hội từ quỹ bảo hiểm xã hội	229.750.152

2	Chi chế độ bảo hiểm thất nghiệp	24.900.710
3	Chi chế độ bảo hiểm y tế	109.601.528
4	Chi phí quản lý bộ máy của cơ quan Bảo hiểm xã hội các cấp, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân và các đơn vị được giao thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp thuộc ngành lao động.	6.828.107
5	Chi các nhiệm vụ về tuyên truyền, phát triển đối tượng tham gia, quản lý người thụ hưởng, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, cải cách thủ tục hành chính, phối hợp thu, chi trả chế độ, thanh tra, kiểm tra.	4.452.139
6	Chi ứng dụng công nghệ thông tin	744.000
7	Chi thực hiện các dự án đầu tư phát triển của Bảo hiểm xã hội Việt Nam	700.000

*(Dự toán chi tiết giao cho các đơn vị theo phụ lục đính kèm)*

3. Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (các đơn vị được giao thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động- bệnh nghề nghiệp thuộc ngành lao động) chủ động thực hiện rà soát, tiết kiệm, cắt giảm những nhiệm vụ chi chưa thật sự cần thiết trong phạm vi các nội dung chi phí quản lý được giao để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ.

Ủy quyền Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện điều chỉnh dự toán giữa nhiệm vụ chi hoạt động bộ máy và chi thực hiện các nhiệm vụ về tuyên truyền, phát triển đối tượng tham gia, quản lý người thụ hưởng, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, cải cách thủ tục hành chính, thu, chi trả chế độ, thanh tra, kiểm tra được giao năm 2022, giữa các đơn vị, giữa 02 nhiệm vụ chi trên trong cùng đơn vị và điều chỉnh cơ cấu nhiệm vụ chi từ chi phí quản lý trên cơ sở đề xuất của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các cơ quan có liên quan để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn (nếu cần thiết) sau khi đã được Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội thông qua.

4. Mức chi hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn từ nguồn dự toán chi phí quản lý bảo hiểm y tế để thực hiện lập danh sách tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn theo quy định tại Khoản 5 Điều 11 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế là 7.000 đồng/người tính theo danh sách tăng, giảm đối tượng.

5. Việc phân bổ chi tiết vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về xây dựng. Đối với việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 chưa giải ngân hết, Bảo hiểm xã hội Việt Nam báo cáo đề xuất cụ thể gửi Bộ Kế

hoạch và Đầu tư; trên cơ sở đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xác định rõ thẩm quyền quyết định, rà soát, đề xuất báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

6. Chi ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp thực hiện theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước.

7. Bộ Tài chính, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan liên quan về các thông tin và số liệu báo cáo.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Giao Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội:**

a) Chỉ đạo và giám sát việc thực hiện dự toán thu, chi được giao năm 2022 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, bảo đảm việc thực hiện đúng quy định;

b) Chỉ đạo Bảo hiểm xã hội Việt Nam tiếp tục rà soát các hoạt động, dự án công nghệ thông tin và đầu tư xây dựng cơ bản dự kiến thực hiện trong năm 2022 và giai đoạn 2022-2024 bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, trong đó tập trung thực hiện các dự án nhằm đẩy mạnh đối tượng tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm y tế, góp phần cải cách thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ, đảm bảo thuận lợi đối với cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người dân, để hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, bảo đảm sẵn sàng kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương theo quy định của pháp luật để nâng cao hiệu quả quản lý, thực thi chính sách; kịp thời ngăn chặn việc trốn đóng, gian lận, trục lợi chính sách Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm y tế.

### **2. Giao Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam:**

a) Tăng cường công tác thu, thực hiện thu đúng, thu đủ tiền đóng vào các quỹ theo chế độ quy định; bảo đảm đủ và kịp thời kinh phí để thanh toán, chi trả chế độ, chính sách cho người thụ hưởng theo quy định;

b) Chủ động sắp xếp, bố trí kinh phí trong phạm vi dự toán chi phí quản lý được giao theo nhiệm vụ chi để thực hiện các nhiệm vụ quan trọng và các nhiệm vụ mới tăng thêm trong năm 2022; đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách đã ban hành.

c) Triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin và chi đầu tư phát triển, đẩy nhanh tiến độ giải ngân kinh phí, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ và sử dụng hiệu quả kinh phí được giao.

### **3. Giao Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:**

Chỉ đạo, hướng dẫn các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trung tâm dịch vụ việc làm địa phương tổ chức điều hành trong phạm vi dự toán được giao để thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ, giải quyết các chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp; tổ chức thực hiện đồng bộ các hoạt động về ứng dụng công nghệ thông tin về bảo hiểm thất nghiệp.

**4. Giao Bộ trưởng Bộ Y tế:**

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội và các cơ quan liên quan trình cấp có thẩm quyền sửa đổi các quy định về thanh toán, quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, đảm bảo thuận tiện cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội và các cơ quan liên quan tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế để ngăn chặn tình trạng lạm dụng, trục lợi quỹ bảo hiểm y tế.

**5. Giao Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an** chỉ đạo Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân tổ chức thực hiện dự toán theo đúng quy định, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

6. Giao Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các sở, ngành phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội tăng cường đôn đốc, kiểm tra, thanh tra các đơn vị sử dụng lao động trên địa bàn thực hiện nghiêm việc trích, nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế đúng thời hạn; đảm bảo tỷ lệ số nợ trên số tiền phải thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế năm sau thấp hơn năm trước; kịp thời ngăn chặn việc trốn đóng, gian lận, trục lợi chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

7. Căn cứ vào dự toán thu, chi và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế năm 2022 được Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân triển khai phân bổ, giao dự toán đến từng đơn vị trực thuộc đảm bảo thời gian, thực hiện công khai dự toán theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng đối với năm tài chính 2022.

**Điều 4.** Bộ trưởng các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Quốc phòng, Công an, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội, Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban Xã hội của Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KTTH (2b)

**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**

**Lê Minh Khái**

## PHỤ LỤC

### CHI TIẾT DỰ TOÁN THU, CHI VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP NĂM 2022

*Kèm theo Quyết định số 583/QĐ-TTg ngày 13/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ*

Số TT	Nội dung chi	ƯTH năm 2021	Dự toán năm 2022							Năm 2022 so năm 2021	
			Tổng số	BHXH Việt Nam	BHXH Bộ Quốc phòng	BHXH Công an nhân dân	Bộ Lao động - TBXH			Tăng, giảm	Tỷ lệ (%)
							Bộ Lao động-TBXH	CPQL BHTN	CPQL BH TNLĐ, BNN		
A	B	0	1=2+3+4+5	2	3	4	5=6+7	6	7	8=1-0	9=(1-0)/0
I	<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>429.988.878</b>	<b>464.658.755</b>	<b>439.199.051</b>	<b>15.612.692</b>	<b>9.847.012</b>	-	-	-	<b>-34.669.877</b>	<b>8,1%</b>
1	<b>Thu tiền đóng theo chế độ</b>	<b>387.350.368</b>	<b>423.813.319</b>	<b>398.353.615</b>	<b>15.612.692</b>	<b>9.847.012</b>	-	-	-	<b>-36.462.951</b>	<b>9,4%</b>
a	Thu Bảo hiểm xã hội	263.035.292	288.204.978	268.000.413	12.217.065	7.987.500	-	-	-	-25.169.686	9,6%
b	Thu Bảo hiểm y tế	107.681.088	115.739.804	110.591.123	3.296.669	1.852.012	-	-	-	- 8.058.716	7,5%
c	Thu Bảo hiểm thất nghiệp	16.633.988	19.868.537	19.762.079	98.958	7.500	-	-	-	- 3.234.549	19,4%

2	Tiền sinh lời hoạt động đầu tư quỹ	42.638.510	40.845.436	40.845.436	-	-	-	-	-	-	1.793.074	-4,2%
II	TỔNG SỐ CHI	359.432.717	376.976.636	370.634.675	4.197.449	1.677.175	467.337	440.800	26.537	17.543.919		4,9%
1	Chi chế độ Bảo hiểm xã hội từ quỹ Bảo hiểm xã hội	202.881.900	229.750.152	226.459.291	1.890.861	1.400.000	-	-	-	-26.868.252		13,2%
2	Chi chế độ Bảo hiểm y tế	96.267.354	109.601.528	107.641.997	1.803.131	156.400	-	-	-	-13.334.174		13,9%
3	Chi chế độ Bảo hiểm thất nghiệp	48.174.503	24.900.710	24.900.710	-	-	-	-	-	-23.273.793		-48,3%
4	Chi phí quản lý	12.108.960	12.724.246	11.632.677	503.457	120.775	467.337	440.800	26.537	615.286		5,1 %
4.1	Tổ chức thu, chi, phát triển và quản lý đối tượng	5.855.906	6.828.107	6.295.114	260.200	101.376	171.417	145.580	25.837	972.201		16,6%
1	Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật	360.000	360.000	318.547	8.869	5.321	27.263	17.250	10.013	-		0,0%
2	Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ	123.059	123.059	74.731	22.173	10.200	15.955	7.716	8.239	0		0,0%
3	Cải cách thủ tục về BHXH,	345.306	356.802	352.633	2.395	-	1.774	1.774	-	11.496		3,3%

	BHYT, BHTN										
4	Phát triển, quản lý người tham gia, người hưởng	836.688	912.451	820.530	31.768	7.095	53.058	48.439	4.619	75.763	9,1%
5	Công tác tổ chức thu, chi trả các chế độ	3.582.569	4.002.663	3.701.784	171.236	81.281	48.362	48.362	-	420.094	11,7%
6	Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát	630.793	374.484	341.600	4.878	12.772	15.234	8.364	6.870	- 256.309	-40,6%
7	Hoạt động của Hội đồng quản lý BHXH Việt Nam	865	865	865	-		-			-	0,0%
	<i>Tỷ trọng tính trên tổng số</i>	48,4%	53,7%								
4.2	<b>Chi phí quản lý bộ máy của cơ quan BHXH các cấp, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân và các đơn vị được giao thực hiện chính sách BHTN, TNLĐ - BNN thuộc ngành lao động</b>	<b>4.419.070</b>	<b>4.452.139</b>	<b>4.110.435</b>	<b>76.385</b>	<b>19.399</b>	<b>245.920</b>	<b>245.220</b>	<b>700</b>	<b>33.069</b>	<b>0,7%</b>
1	Chi quỹ tiền lương theo chế độ quy định	3.453.031	3.426.935	3.252.216	3.105	-	171.614	171.614	-	- 26.096	-0,8%



2	Chi quản lý hành chính theo định mức	736.559	687.271	643.916	759	-	42.596	42.596	-	- 49.288	-6,7%
3	Các khoản chi không thường xuyên	368.498	377.702	197.403	84.039	60.931	35.329	32.875	2.454	9.204	2,5%
	<i>Tỷ trọng tính trên tổng số</i>	36,5%	35,0%								
<b>4.3</b>	<b>Chi ứng dụng CNTT, chi đầu tư phát triển</b>	<b>1.833.984</b>	<b>1.444.000</b>	<b>1.227.128</b>	<b>166.872</b>	<b>-</b>	<b>50.000</b>	<b>50.000</b>	<b>-</b>	<b>- 389.984</b>	<b>-21,3%</b>
	- Chi ứng dụng CNTT, xây dựng CSDL quốc gia	833.984	744.000	527.128	166.872	-	50.000	50.000	-	- 89.984	-10,8%
	<i>BHYT</i>	50.000	-	-			-			- 50.000	0,0%
	- Chi đầu tư phát triển	1.000.000	700.000	700.000	-	-	-	-	-	- 300.000	-30,0%
	<i>Tỷ trọng tính trên tổng số</i>	15,1%	11,3%								